



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Xét nghiệm Huyết học, Trung tâm Huyết học - Truyền máu**
Medical Laboratory: Hematology Department, Hematology and Blood Transfusion Center
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ**
Organization: Phu Tho Provincial General Hospital
Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: Hematology
Người phụ trách/ **Hà Mạnh Quyết**
Representative: Ha Manh Quyet

Số hiệu/ Code: **VILAS MED 106**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /08/2025 đến ngày 09/09/2030

Địa chỉ/ Address: **Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ/ Nguyen Tat Thanh Street, Viet Tri Ward, Phu Tho Province**

Địa điểm/Location: **Tầng 9 nhà C, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ/9th floor, Building C, Phu Tho Provincial General Hospital, Nguyen Tat Thanh Street, Viet Tri Ward, Phu Tho Province**

Điện thoại/Tel: **0868 556 366**

Email: **drhamanhquyet@gmail.com**

Website: **www.benhviendakhoatinhphutho.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 106

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole Blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng bạch cầu <i>White blood cell count (WBC)</i>	Đo quang <i>Optical method</i>	HH-QTKT-57 (2025) (DXH 900)
2.		Định lượng huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HBG)</i>		HH-QTKT-59 (2025) (DXH 900)
3.		Đếm số lượng hồng cầu <i>Red blood cell count (RBC)</i>	Trở kháng <i>Impedance</i>	HH-QTKT-58 (2025) (DXH 900)
4.		Đếm số lượng tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>		HH-QTKT-61 (2025) (DXH 900)
5.		Xác định thể tích trung bình hồng cầu (MCV) <i>Determination of Mean Corpuscular Volume (MCV)</i>	Tính toán <i>Calculation</i>	HH-QTKT-60 (2025) (DXH 900)
6.	Huyết tương (Citrate 3,2%) <i>Plasma (Citrate 3.2%)</i>	Thời gian Prothrombin tính theo giây (PT) <i>Prothrombin time in second (PT)</i>	Đo từ <i>Mechanical</i>	HH-QTKT-53 (2025) (Star Max)
7.		Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTTs) <i>Activated partial thromboplastin time in second</i>		HH-QTKT-52 (2025) (Star Max)
8.		Định lượng Fibrinogen <i>Quantitative of Fibrinogen</i>		HH-QTKT-54 (2025) (Star Max)

Ghi chú/ Note:

- HH-QT.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Xét nghiệm Huyết học, Trung tâm Huyết học - Truyền máu, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hematology Department, Hematology and Blood Transfusion Center, Phu Tho Provincial General Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*